

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để đạt được mục đích của mình, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 quy định trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động tố tụng: khởi tố vụ án, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát (VKS), Tòa án, Cơ quan thi hành án đồng thời quy định quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng nhằm xác định sự thật của vụ án. Mặt khác, BLTTHS còn qui định các nguyên tắc cơ bản với tính chất là những tư tưởng chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự hoặc đối với một loại hoạt động tố tụng nhất định như hoạt động điều tra, truy tố, xét xử... Các nguyên tắc của tố tụng hình sự thực chất là những đảm bảo pháp lý cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đồng thời chúng còn là những đảm bảo pháp lý cho bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

BLTTHS năm 2003 đã bổ sung nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử vào hệ thống các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS Việt Nam. Đây cũng là một trong những điểm mới của BLTTHS năm 2003 so với BLTTHS năm 1988.

Việc đảm bảo cho nguyên tắc hai cấp xét xử được thực hiện trên thực tế là một việc làm rất cần thiết. Tuy nhiên, khi áp dụng các quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, cũng như giám đốc thẩm và tái thẩm đã xuất hiện một số vướng mắc nhất định, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng và gây thiệt hại cho những người tham gia tố tụng. Chẳng hạn, về xét xử sơ thẩm, trong cùng một nội dung nhưng một số điều luật tại các phần khác nhau trong BLTTHS năm 2003 chưa thực sự thống nhất với nhau, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, khiến họ có những phản ứng trước các kết luận trong bản án, quyết định sơ thẩm, dẫn đến bị cáo kháng cáo, VKS kháng nghị bản án. Trong khi đó các quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm cũng còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

Bởi vậy, việc nghiên cứu nhằm hoàn thiện nguyên tắc này là một đòi hỏi cấp bách trong tình hình hiện nay. Điều này không chỉ có ý nghĩa khoa học và còn có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà việc áp dụng nguyên tắc hai cấp xét xử cũng còn nhiều bất cập, việc kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của VKS nhiều khi không có căn cứ mà chỉ nhằm trì hoãn, dây dưa, kéo dài việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, phát sinh nhiều vấn đề tiêu cực trong xã hội.

Từ thực tiễn trên đây đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải nghiên cứu một cách toàn diện những quy định của pháp luật về nguyên tắc hai cấp xét xử nhằm làm sáng tỏ về mặt lý luận để áp dụng và thực hiện nghiêm chỉnh, hiệu quả nguyên tắc này trong thực tiễn, nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết các vụ án hình sự hiện nay, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng.

Với những lý do đã nêu trên, tôi chọn đề tài "***Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử - Những vấn đề lý luận và thực tiễn***" để nghiên cứu trong Luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay, trong khoa học pháp lý hình sự, nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử đã được một số tác giả quan tâm nghiên cứu, thể hiện trong những cuốn *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2004, giáo trình của các trường đại học và rải rác ở một số bài viết đăng trên các tạp chí Luật học, tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tạp chí Nhà nước và pháp luật như bài viết: "*Từ nguyên tắc hai cấp xét xử đến việc tổ chức Tòa án các cấp*", đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10/2004 của Trần Văn Độ; "*Nguyên tắc hai cấp xét xử và việc áp dụng nguyên tắc đó vào việc tổ chức tòa án các cấp*", đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2007 của Trần Văn Độ; "*Đổi mới tổ chức hệ thống*

Tòa án nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử", đăng trên Tạp chí Luật học, số 6/2007 của Vũ Gia Lâm.

Tuy nhiên, đây là một nguyên tắc mới được qui định cụ thể trong BLTTHS năm 2003. Do đó, số lượng công trình nghiên cứu về vấn đề này nếu so với các qui định khác của quá trình tố tụng nói chung còn ít. Thiết nghĩ việc tiếp tục nghiên cứu nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử để khắc phục những hạn chế, đưa ra những giải pháp phù hợp là một việc làm cần thiết.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định của pháp luật có liên quan đến nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử, chỉ ra những mâu thuẫn, vướng mắc trong các quy định của pháp luật cũng như trong quá trình áp dụng trong thực tiễn. Từ đó đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định của BLTTHS nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc này.

- Để đạt được mục đích trên, tác giả của luận văn thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự.

+ Nghiên cứu, phân tích, làm rõ những quy định của BLTTHS Việt Nam về nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, đồng thời đối chiếu, so sánh để tìm ra các mâu thuẫn và bất cập trong các quy định đó. Riêng đối với cấp xét xử phúc thẩm tác giả chỉ tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về việc phúc thẩm đối với các bản án hình sự sơ thẩm.

+ Nghiên cứu, phân tích thực trạng áp dụng nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong những năm gần đây nhằm tìm ra những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập khi vận dụng pháp luật.

+ Đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong BLTTHS Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đây là đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những đường lối của Đảng, Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách nền tư pháp và nền hành chính quốc gia, xây dựng một xã hội công bằng, pháp chế, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Nội dung của đề tài được làm sáng tỏ dựa trên cơ sở nghiên cứu các văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định pháp luật có liên quan đến nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử và những bài viết trên các báo, tạp chí và các bản tổng kết của ngành Tòa án, VKS, cũng như thực tiễn công tác của bản thân tác giả.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu, so sánh và phương pháp thống kê. Những kết luận và đề xuất nêu trong luận văn được dựa trên cơ sở phân tích lý luận, cơ sở khoa học, đối chiếu với kết quả khảo sát thực tế, phân tích các báo cáo tổng kết của ngành tòa án trong những năm gần đây cũng như định hướng phát triển của ngành tòa án trong những năm sắp tới.

5. Đóng góp mới của luận văn

Đây là luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định của BLTTHS hiện hành về nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử. Kết quả nghiên cứu luận văn dựa trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn áp dụng, đánh giá đúng thực trạng, từ đó chỉ ra những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và giải pháp hoàn thiện.

Do đó, luận văn có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, đóng góp vào kho tàng lý luận về luật tố tụng hình sự Việt Nam, là tài liệu tham khảo bổ ích cho những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, đề xuất sửa đổi, bổ sung BLTTHS về vấn đề này và những người làm công tác thực tế như công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về nguyên tắc hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự.

Chương 2: Những quy định của pháp luật về nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm nguyên tắc hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự

1.1.1. Cơ sở của nguyên tắc hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự

Thứ nhất, BLTTHS Việt Nam quy định nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử là một bảo đảm cho quá trình tìm ra sự thật khách quan của vụ án, giúp Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần vào việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay là xây dựng nhà nước pháp quyền, tất cả vì mục tiêu con người.

Thứ hai, nguyên tắc hai cấp xét xử tạo điều kiện cho những người tham gia tố tụng sau khi xét xử lần đầu có cơ hội yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại một lần nữa theo thủ tục phúc thẩm. Đây cũng là cơ hội để Tòa án cấp trên sửa sai cho Tòa án cấp dưới đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thứ ba, nguyên tắc hai cấp xét xử được áp dụng trên thực tế còn có tác dụng nâng cao tinh thần trách nhiệm của các Thẩm phán xét xử sơ thẩm, giúp họ thận trọng hơn, cân nhắc kỹ lưỡng, đầu tư nghiên cứu hồ sơ vụ án để có một quyết định chính xác.

Thứ tư, nguyên tắc hai cấp xét xử tạo điều kiện cho bị cáo suy ngẫm, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả nhằm được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Điều đó thể hiện sự nhân đạo của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ năm, nguyên tắc hai cấp xét xử đảm bảo sự phù hợp giữa pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế trong hoạt động xây dựng pháp luật.

1.1.2. Nội dung của nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự Việt Nam

a) Nguyên tắc thực hiện hai cấp xét xử được qui định trong các văn bản pháp luật của các quốc gia và văn bản pháp luật quốc tế, theo đó nguyên tắc này bao gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, bất kỳ một vụ án hình sự nào cũng được xét xử lần đầu tiên tại cấp xét xử sơ thẩm. Việc xét xử phát sinh trên cơ sở bản Cáo trạng của VKS, chỉ khi có cáo trạng truy tố bị can ra Tòa của VKS thì mới có xét xử sơ thẩm.

Thứ hai, Bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật. Khi có kháng cáo, kháng nghị thì vụ án được xét xử ở cấp xét xử thứ hai là cấp phúc thẩm nhằm sửa chữa những sai lầm trong việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm.

Thứ ba, quyền kháng cáo thuộc về bị cáo và những người tham gia tố tụng khác với phạm vi và giới hạn do luật quy định. Tòa án tạo điều kiện cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền kháng cáo của mình. Quyền kháng nghị thuộc về VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên trực tiếp.

Thứ tư, đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà không có kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật. Khi đó Tòa án sơ thẩm phải ra quyết định thi hành

án ngay đối với các bị cáo. Bản án Phúc thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và có hiệu lực thi hành ngay sau khi bản án được tuyên.

Thứ năm, đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc xử lý vụ án hoặc có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung bản án hoặc quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án hoặc quyết định đó thì được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Giám đốc thẩm và tái thẩm không được coi là cấp xét xử thứ ba.

b) Phân biệt hai cấp xét xử với xét xử một cấp

- Theo thủ tục xét xử một cấp, bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời chung thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án. Bị cáo và những người có quyền lợi pháp lý trong vụ án cũng như VKS không được quyền kháng cáo, kháng nghị bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời chung thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét xử một cấp có ưu điểm là làm cho việc xét xử các vụ án trọng điểm, án phức tạp nhanh chóng hơn, bản án đã tuyên đảm bảo được tính ổn định, tiết kiệm được chi phí xét xử, thời gian và công sức, phù hợp và có hiệu quả đối với việc xét xử các phần tử phản cách mạng chống chính quyền nhân dân. Song, xét về mặt đảm bảo quyền kháng cáo của người bị kết án nói riêng, quyền con người nói chung thì thủ tục xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm cần được xem xét lại vì các lý do sau:

Thứ nhất, nếu như nguyên tắc hai cấp xét xử bảo đảm tất cả các bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm đều có thể bị kháng cáo, kháng nghị thì đối tượng của xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm trước đây chỉ là đối với những vụ án nghiêm trọng, mức hình phạt tuyên đối với bị cáo thường rất nặng, mà người bị kết án lại không có quyền kháng cáo. Đó là điều bất hợp lý.

Thứ hai, thủ tục xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm đã vi phạm nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo được quy định tại Điều 131 Hiến pháp và Điều 12 BLTTHS năm 1988.

Thứ ba, thủ tục xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm cũng đã vi phạm nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật được quy định tại Điều 52 Hiến pháp và Điều 4 BLTTHS năm 1988.

1.1.3. Thực hiện chế độ hai cấp xét xử là nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự Việt Nam

Hiện nay, pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử. Đó là việc bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định được Tòa án cấp trên trực tiếp xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Nguyên tắc hai cấp xét xử quy định Tòa án khi xét xử một vụ án hình sự phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm đầy đủ các cơ sở pháp lý và tổ chức cho việc xét xử sơ thẩm vụ án một cách khách quan, toàn diện, chính xác, mọi vấn đề đều được cấp sơ thẩm giải quyết; Bảo đảm tối đa quyền kháng cáo đối với bản án, quyết định sơ thẩm của các đương sự; Bảo đảm thể hiện đầy đủ rằng phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai có tính chất là kiểm tra tính hợp pháp và có căn cứ của bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên tắc hai cấp xét xử được nhà làm luật xác định là một nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS Việt Nam và đã được quy định tại Điều 20 Chương II "Những nguyên tắc cơ bản" BLTTHS năm 2003.

- Từ những phân tích ở trên, có thể đưa ra một định nghĩa khái quát về nguyên tắc hai cấp xét xử như sau: *Nguyên tắc hai cấp xét xử là những tư tưởng chủ đạo, có tính bắt buộc chung trong hoạt động xét xử, được quy định trong luật tố tụng hình sự, đảm bảo mọi vụ án đều có thể được xét xử theo hai cấp là cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án, để Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật đồng thời tạo cơ hội cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bằng cách yêu cầu Tòa án cấp trên xét lại bản án.*

1.2. Vị trí, ý nghĩa của nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử

- Nguyên tắc hai cấp xét xử là nguyên tắc có vị trí rất quan trọng, là nguyên tắc đặc trưng của giai đoạn xét xử và là nguyên tắc cơ bản. Xét trong hệ thống các nguyên tắc của BLTTHS Việt Nam, nguyên tắc hai cấp xét xử có mối liên hệ hữu cơ với các nguyên tắc khác, chúng bổ sung cho nhau, hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành một hệ thống. Mỗi nguyên tắc đều có vai trò độc lập tương đối, song ý nghĩa đầy đủ của nó chỉ có thể xác định trong mối liên hệ hữu cơ với những nguyên tắc khác và thông qua sự tác động của cả hệ thống các nguyên tắc đối với hoạt động tố tụng hình sự.

Việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử có các ý nghĩa sau đây:

Một là, nguyên tắc hai cấp xét xử đảm bảo việc xét xử của Tòa án được khách quan, toàn diện, chính xác và đúng pháp luật

Hai là, việc thực hiện chế độ hai cấp xét xử của Tòa án đảm bảo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Ba là, bên cạnh việc thực hiện chế độ hai cấp xét xử của Tòa án, luật tố tụng hình sự còn quy định việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhằm kiểm tra tính có căn cứ của bản án, quyết định sau khi có hiệu lực pháp luật.

1.3. Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự Việt Nam

*** Giai đoạn sau năm 1945 - 1960**

- Theo Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946 về "án định thẩm quyền của các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa án" các cấp xét xử bước đầu được hình thành gồm sơ thẩm và chung thẩm.

- Sơ thẩm là cấp xét xử thứ nhất, điều này có nghĩa là bản án của cấp xét xử sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật ngay mà còn có thể bị kháng cáo để xem xét lại. Việc xem xét này do Tòa án trên một cấp của Tòa án đã ra bản án sơ thẩm bị kháng cáo tiến hành nhằm đảm bảo tính đúng pháp luật và có căn cứ cho các bản án của Tòa án cấp sơ thẩm được gọi là cấp xét xử chung thẩm (cấp xét xử thứ hai).

*** Giai đoạn từ năm 1960 - 1981**

- Hiến pháp 1959 và Luật Tổ chức TAND năm 1960 đã bắt đầu ghi nhận nguyên tắc Tòa án xét xử hai cấp. Như vậy cũng như thời kỳ trước, các bản án, quyết định sơ thẩm sau khi tuyên án thì chưa có hiệu lực pháp luật ngay mà có thể bị kháng cáo, kháng nghị trong một thời hạn nhất định do luật định. Việc xét xử lại thuộc thẩm quyền của các Tòa án cấp trên một cấp và được gọi là cấp phúc thẩm (thời kỳ trước gọi là chung thẩm).

- Trong giai đoạn này thủ tục giám đốc thẩm mới được qui định. Về cấp xét xử một lần, giai đoạn này có một vài thay đổi: Tòa án có thẩm quyền là TANDTC (Điều 21 Luật Tổ chức TAND năm 1960); Bản án, quyết định sơ thẩm của TANDTC đều là chung thẩm và có hiệu lực pháp luật (Điều 9 Luật tổ chức TAND năm 1960).

*** Giai đoạn từ năm 1981 - 1988**

- Giai đoạn này bắt đầu bằng Luật Tổ chức TAND năm 1981, sau khi có Hiến pháp năm 1980. Việc xét xử vẫn được thực hiện theo hai cấp. Tuy nhiên, nếu trong Luật Tổ chức TAND năm 1960 điều này được ghi nhận như một nguyên tắc (Điều 9) thì trong Luật Tổ chức TAND năm 1981 lại không quy định chính thức trong một điều luật nào mà chỉ có thể được thể hiện qua một số điều luật khác quy định về thẩm quyền của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện.

- Trong giai đoạn này một thủ tục mới xuất hiện: Thủ tục tái thẩm.

*** Giai đoạn 1988 đến 2003**

- Giai đoạn này đánh dấu bằng BLTTHS năm 1988. Những tư tưởng chính của Luật Tổ chức TAND năm 1960 được kế thừa trong Luật Tổ chức TAND năm 1980 và BLTTHS năm 1988. Mặc dù không được ghi cụ thể nhưng nội dung nguyên tắc hai cấp xét xử vẫn được thể hiện đầy đủ và được mở rộng hơn.

*** Giai đoạn 2003 đến nay**

- Giai đoạn này đánh dấu bằng BLTTHS năm 2003. Các hạn chế trên đã được khắc phục trong Luật Tố chức TAND năm 2002 và BLTTHS năm 2003. Nguyên tắc hai cấp xét xử lại được ghi nhận; hủy bỏ thẩm quyền xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm của TANDTC; tính chất của phúc thẩm được khẳng định là xét lại bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và bằng cách sửa đổi quyền hạn của Tòa giám đốc thẩm, luật khẳng định rằng đó chỉ là thủ tục đặc biệt chứ không phải là một cấp xét xử ...

1.4. Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong luật tố tụng hình sự ở một số nước

Hiện nay, nguyên tắc này hầu như được áp dụng phổ biến ở các nước trên thế giới.

- Ở nước *Liên bang Nga*, nguyên tắc hai cấp xét xử được áp dụng.
- Ở nước *Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, nguyên tắc hai cấp xét xử được áp dụng phổ biến.
- Ở *Nhật Bản*, khác với nhiều nước có hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm thì ở Nhật Bản qui trình tố tụng theo 3 cấp (tam thẩm): sơ thẩm, phúc thẩm đệ nhất cấp và phúc thẩm đệ nhị cấp (phúc thẩm lần hai).

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HAI CẤP XÉT XỬ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Những quy định của pháp luật về cấp xét xử sơ thẩm

2.1.1. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án

*** Thẩm quyền xét xử theo sự việc**

Thẩm quyền xét xử theo sự việc được nói tới ở đây là việc phân định thẩm quyền xét xử sơ thẩm giữa Tòa án cấp huyện và Tòa án cấp tỉnh được quy định tại Điều 170 BLTTHS năm 2003. Với quy định này ta có thể thấy TAND cấp huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm hầu hết các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử chung của TAND.

- Thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND cấp huyện trong BLTTHS năm 2003 đã được mở rộng thêm rất nhiều so với BLTTHS năm 1988, theo đó TAND cấp huyện được xét xử sơ thẩm cả tội phạm rất nghiêm trọng, mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 15 năm tù.

*** Thẩm quyền xét xử sơ thẩm theo đối tượng**

Đây là loại thẩm quyền được phân định giữa TAND với Tòa án quân sự (TAQS) dựa trên tiêu chí là người phạm tội. BLTTHS không quy định loại thẩm quyền này, thẩm quyền xét xử theo đối tượng được phân định gián tiếp qua quy định về thẩm quyền xét xử của TAQS tại Điều 3, Điều 4 Pháp lệnh Tố chức TAQS năm 2002.

*** Thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLTTHS thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là tòa án nơi tội phạm được thực hiện. Trong trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau hoặc không xác định được nơi thực hiện tội phạm thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nơi kết thúc việc điều tra.

- Đối với bị cáo phạm tội ở nước ngoài bị đưa về nước xét xử, thẩm quyền xét xử tại khoản 2 Điều 171 BLTTHS quy định do TAND cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của bị cáo thì tùy trường hợp, Chánh án TANDTC ra quyết định giao cho TAND thành phố Hà Nội hoặc TAND Thành phố Hồ Chí Minh xét xử. Bị cáo phạm tội ở nước ngoài, nếu thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS thì do TAQS cấp quân khu trở lên xét xử theo quyết định của Chánh án TAQS Trung ương.

2.1.2. Giới hạn của việc xét xử sơ thẩm

Tại BLTTHS năm 2003, giới hạn xét xử đã được quy định cụ thể hơn tại Điều 196. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án thấy cần xét xử bị cáo theo tội danh khác nặng hơn tội danh VKS truy tố chưa được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn triệt để, do đó thực tiễn áp dụng không thống nhất. Theo thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 08/12/1998 của TANDTC, VKSNDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong BLTTHS năm 1988 thì trước khi mở phiên tòa, nếu Tòa án thấy cần phải xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn thì Tòa án trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung và thay đổi Cáo trạng. Trường hợp Tòa án đề nghị VKS đổi tội danh nặng hơn và đã trao đổi nhưng VKS không nhất trí thì cả hai bên đều phải báo cáo ngay với cấp trên của mình. Thủ trưởng hai cơ quan cấp trên cần trao đổi ngay để nếu thống nhất ý kiến thì hướng dẫn cấp dưới thi hành, nếu vẫn không thống nhất ý kiến thì Tòa án cấp dưới vẫn phải xét xử theo tội danh mà VKS truy tố và không được tuyên là "bị cáo không phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố".

2.1.3. Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm

- *Tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự là những hoạt động tố tụng được thực hiện giữa đại diện VKS, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự nhằm bảo vệ quan điểm, lợi ích của các bên, dưới sự điều khiển, quyết định của Hội đồng xét xử với vai trò trọng tài.*

- Mặc dù BLTTHS năm 2003 chưa có một điều luật nào quy định cụ thể thế nào là tranh tụng và nguyên tắc của việc tranh tụng, tuy nhiên ở một số điều luật cũng đã có những quy định thể hiện rõ yếu tố của tranh tụng, được thể hiện trong các nguyên tắc của tố tụng hình sự. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, việc tranh tụng được thể hiện thông qua quy định về sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội trong việc đưa ra những chứng cứ và yêu cầu. Hội đồng xét xử phải có trách nhiệm tạo điều kiện để các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ tranh tụng.

2.1.4. Quyền hạn của Tòa án cấp sơ thẩm

BLTTHS năm 2003 không quy định quyền hạn của hội đồng xét xử sơ thẩm. Điều này có nguyên nhân của nó. Trong khi Hội đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm chỉ xem xét bản án của cấp xét xử trước, do đó quyền hạn của cấp xét xử này thường để ấn định trước xung quanh các vấn đề: giữ nguyên, sửa hoặc hủy bỏ bản án thì đối với cấp xét xử sơ thẩm là cấp xét xử thứ nhất cho nên đối tượng của nó không phải là các bản án như ở các thủ tục xét xử khác, phạm vi xét xử sơ thẩm rộng hơn, toàn diện hơn rất nhiều. Do đó, nếu có một sự ấn định trước về quyền hạn của Hội đồng xét xử sơ thẩm thì sẽ trở nên khó khăn bởi phạm vi rộng lớn của nó. Hơn nữa, việc không quy định quyền hạn cũng là để tạo điều kiện để Hội đồng xét xử sơ thẩm có thể linh hoạt hơn trong từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đó mà có quyết định cho phù hợp và chính xác.

2.2. Những quy định của pháp luật về cấp xét xử phúc thẩm

2.2.1. Những quy định về kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm

- Để tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền kháng cáo, luật tố tụng hình sự quy định người kháng cáo có thể kháng cáo bằng đơn hay kháng cáo trực tiếp tại Tòa án. Về kháng nghị, hình thức kháng nghị bằng văn bản mà VKS gửi đến Tòa án đã xét xử sơ thẩm

- Thời hạn kháng cáo, kháng nghị các bản án, quyết định sơ thẩm được quy định rất cụ thể tại Điều 234, Điều 235, Điều 239 BLTTHS năm 2003.

- Kể từ khi có kháng cáo, kháng nghị đến trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người đã kháng cáo, VKS có quyền bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị nhưng không được thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị theo hướng làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

2.2.2. Quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm

a) Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Đó là việc Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của những người tham gia tố tụng, kháng nghị của VKS và giữ nguyên bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên khi bản án sơ thẩm không vi phạm các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, khi bản án xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Pháp luật không quy định căn cứ cụ thể cho việc áp dụng điều khoản này khiến cho việc sử dụng quyền này rất rộng.

- Ngoài ra còn có một số trường hợp vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm hoặc không có điều kiện sửa hoặc hủy án nên phải y án sơ thẩm và báo cáo Giám đốc thẩm như: Bị cáo được kháng cáo, kháng nghị theo hướng có lợi nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại thấy có căn cứ cần phải sửa theo hướng tăng nặng nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng nên không thể sửa bản án được.

b) Sửa bản án sơ thẩm

b1) Sửa bản án theo hướng có lợi cho bị cáo:

Trường hợp 1: Miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt cho bị cáo

Trường hợp 2: Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn

Trường hợp 3: Giảm hình phạt cho bị cáo

Trường hợp 4: Giảm mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo

Trường hợp 5: Sửa quyết định xử lý vật chứng.

b2) Sửa bản án theo hướng không có lợi cho bị cáo:

Trường hợp 1: áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn.

Trường hợp 2: Tăng hình phạt

Trường hợp 3: Tăng mức bồi thường thiệt hại

c) Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại

c1) Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

c2) Hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Trường hợp 1: Thành phần Hội đồng xét xử không đúng luật định

Trường hợp 2: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Trường hợp 3: Người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội.

d) Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

Trường hợp 1: Hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án.

Trường hợp 2: Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

2.2.3. Phúc thẩm những quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm

Theo Điều 253 thì đối với những quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng nghị hoặc kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm không phải mở phiên tòa, nhưng nếu xét cần thì có thể triệu tập những người tham gia tố tụng cần thiết để nghe ý kiến của họ trước khi Tòa án ra quyết định. Tòa án cấp phúc thẩm phải ra quyết định giải quyết việc kháng cáo hoặc kháng nghị trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của vụ án. Khi xét những quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm có những quyền hạn quy định tại Điều 248 BLTTHS.

2.3. Thủ tục xét lại bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật

2.3.1. Bản chất của giám đốc thẩm, tái thẩm

Giám đốc thẩm, tái thẩm là hai hình thức của thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có sai lầm và bị kháng nghị. Điều đó có nghĩa là thủ tục này được thực hiện sau khi bản

án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật chứ không phải là thủ tục nối tiếp của hai cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và nhờ đó bản án mới có hiệu lực pháp luật, vì vậy giám đốc thẩm cũng như tái thẩm không phải là cấp xét xử thứ ba như một số ý kiến vẫn cho là như vậy.

2.3.2. Thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm

- Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
- Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.
- Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại.

2.3.3. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử tái thẩm

Khi xét xử tái thẩm, hội đồng xét xử tái thẩm có quyền quyết định:

- Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Đây là trường hợp tình tiết mới được dùng làm căn cứ kháng nghị không làm thay đổi nội dung vụ án.
- Hủy bản án, quyết định bị kháng nghị để điều tra lại hoặc xét xử lại. Trường hợp này tùy thuộc vào tình tiết mới được phát hiện trong giai đoạn điều tra hay xét xử.
- Hủy bản án hoặc quyết định bị kháng nghị và đình chỉ vụ án. Trường hợp này đặt ra khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2003.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HAI CẤP XÉT XỬ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử

3.1.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về cấp xét xử sơ thẩm

- Trong những năm gần đây mặc dù thực tế ngành Tòa án còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng số lượng vụ án hình sự thụ lý giải quyết không giảm. Tuy nhiên, tốc độ giải quyết tại cấp sơ thẩm đã nhanh chóng hơn, lượng án tồn đọng tại các TAND cấp huyện ít, tỷ lệ bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị vẫn còn tương đối cao, trong đó vẫn còn nhiều vụ án bị tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định sửa, hủy bản án, thậm chí có vụ án bản án bị hủy đi hủy lại nhiều lần.

- Thực tế xét xử sơ thẩm còn có một số vấn đề cần nói đến như sau:

Thứ nhất, một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự còn quá cô đọng và mang tính khái quát cao gây ra nhiều cách hiểu khác nhau khiến cho việc áp dụng luật không chính xác.

Thứ hai, quy định về giới hạn xét xử tại Điều 196 BLTTHS năm 2003 là tương đối hợp lý. Tuy nhiên, quy định "Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật..." cần phải xem xét trong trường hợp khoản khác mà Tòa án thấy cần áp dụng nặng hơn khoản mà VKS truy tố.

Thứ ba, việc ra các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật trên thực tế chậm, khó áp dụng.

Thứ tư, thực tiễn áp dụng vấn đề tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vẫn còn một số vướng mắc và tồn tại.

3.1.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về cấp xét xử phúc thẩm

- Qua số liệu thống kê của các cơ quan có thẩm quyền cho thấy, trong các năm từ năm 2002 đến năm 2007, trung bình hàng năm có khoảng 1/4 số vụ án và khoảng 1/4 số bị cáo cấp sơ thẩm đã xét xử có kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, trong đó phần nhiều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giảm

bồi thường thiệt hại, xin hưởng án treo và cũng không ít kháng cáo kêu oan; lượng án có kháng nghị chiếm tỷ lệ thấp hơn so với lượng án bị kháng cáo nhưng chất lượng kháng nghị nhìn chung là đảm bảo, kháng nghị được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận chiếm tỷ lệ cao.

- Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm cũng xuất hiện một số vướng mắc nhất định, xuất phát từ chính sự không thống nhất cũng như chưa cụ thể trong một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự về xét xử phúc thẩm. Trong đó, phải kể đến thực tiễn áp dụng các quy định sau:

Trước hết, quy định về quyền kháng cáo, giới hạn thực hiện quyền kháng cáo tại Khoản 2 Điều 51 BLTTHS năm 2003.

Thứ hai, thực tiễn áp dụng Điều 238 về vấn đề bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị.

Thứ ba, thực tiễn áp dụng Điều 248 về Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Thứ tư, thực tiễn áp dụng khoản 3 Điều 249 về sửa bản án sơ thẩm.

Thứ năm, thực tiễn áp dụng Điều 250 về quyền hủy bản án hoặc quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử

3.2.1. Những yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả hoạt động của nguyên tắc hai cấp xét xử

Thứ nhất, phải phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về việc đảm bảo yêu cầu tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phù hợp với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Thứ hai, phải đáp ứng được yêu cầu nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo tốt các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian tới.

Thứ ba, việc hoàn thiện những quy định về hai cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm phải đặt trong mối quan hệ mật thiết với quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và mô hình tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ tư, việc hoàn thiện những quy định về hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm vụ án hình sự nhằm đảm bảo việc xét xử của Tòa án được khách quan, chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

3.2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của nguyên tắc hai cấp xét xử

3.2.2.1. Kiến nghị hoàn thiện những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về xét xử sơ thẩm

Một là, sửa đổi bổ sung quy định của Điều 180 về căn cứ và thời điểm ra quyết định tạm đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Hai là, về giới hạn xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, cần bổ sung Điều 196 BLTTHS năm 2003 như sau: Trường hợp cần xét xử bị cáo theo khoản khác nặng hơn khoản mà VKS đã truy tố Tòa án phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền xét xử, về thành phần Hội đồng xét xử và quyền bào chữa của bị cáo.

Đồng thời sửa đổi Điều 179 BLTTHS theo hướng quy định: "Trường hợp Tòa án có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác nặng hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố" là một căn cứ để Thẩm phán ra quyết định để trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ba là, để đảm bảo sự thống nhất trong quy định của BLTTHS năm 2003 cũng như đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo, cần bổ sung Điều 178 Bộ luật này như sau: "Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo theo khoản khác nặng hơn khoản mà Viện kiểm sát đã áp dụng để truy tố thì ngoài việc phải ghi rõ tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát áp dụng đối với hành vi của bị cáo, Thẩm phán còn phải ghi rõ khoản mà Tòa án có thể áp dụng để xét xử đối với bị cáo".

Bốn là, mở rộng diện đối tượng được giao bản án, quyết định nhằm đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện quyền kháng cáo.

3.2.2.2. Kiến nghị hoàn thiện những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về xét xử phúc thẩm

Thứ nhất, nên bổ sung thêm một điều luật mới quy định về trách nhiệm của chủ thể có quyền kháng cáo, kháng nghị trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị của họ.

Thứ hai, để đảm bảo sự thống nhất với quy định về quyền kháng cáo của người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại tại đoạn 1 Điều 231 của BLTTHS năm 2003 với quy định về quyền đó tại điểm e khoản 2 Điều 51 của Bộ luật này, nên bỏ từ "hoặc" trong quy định tại khoản 2 Điều 51 BLTTHS năm 2003 và thay từ "hoặc" trong câu "Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ có quyền" bằng dấu ",",

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung một số điều luật cụ thể như sau:

Điều 238. Bổ sung thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị

Điều 248a: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Điều 249: Sửa bản án sơ thẩm

Điều 250: Hủy bản án sơ thẩm để điều tra hoặc xét xử lại

Thứ tư, cần ban hành các văn bản hướng dẫn quy định cụ thể về những trường hợp mà điều luật quy định chưa rõ ràng hoặc chưa quy định căn cứ cụ thể để Tòa án có căn cứ áp dụng cho chính xác.

3.2.2.3. Các kiến nghị khác

Thứ nhất, sửa đổi quy định về thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự (Điều 244), theo hướng bỏ quy định "trong trường hợp cần thiết có thể có thêm hai hội thẩm", chỉ nên quy định "Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba thẩm phán".

Thứ hai, đổi mới tổ chức hệ thống Tòa án theo nguyên tắc hai cấp xét xử, cần đẩy nhanh tiến độ tăng thẩm quyền cho tất cả các tòa án cấp huyện, giúp các tòa án cấp huyện được xét xử nhiều loại án đa dạng, phức tạp, đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tòa án.

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

Thứ tư, chuẩn hóa công tác cán bộ Tòa án.

Thứ năm, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm tố tụng của người tiến hành tố tụng.

KẾT LUẬN

Với mong muốn làm rõ những quy định của pháp luật về hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm trong BLTTHS năm 2003, trên cơ sở đó chỉ ra một số hạn chế và đưa ra những kiến nghị hoàn thiện những quy định này theo yêu cầu của cải cách tư pháp, tác giả đã đi sâu nghiên cứu đề tài: "Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử- Những vấn đề lý luận và thực tiễn" không ngoài mục đích cuối cùng là hướng tới việc giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn trên cơ sở một bản án công minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật của Tòa án.

Đây là một đề tài mang tính lý luận và thực tiễn cao, nội dung liên quan đến nhiều vấn đề lý luận chung của tố tụng hình sự cũng như nhiều điều luật cụ thể trong BLTTHS, trong khi đó kiến thức của tác giả còn hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Nhưng tác giả hy vọng những kết quả khiêm tốn đạt được của luận văn sẽ đóng góp ở mức độ nhất định trong việc hoàn thiện quy định về hai cấp xét xử, đáp ứng được yêu cầu về cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra.

This document was created with Win2PDF available at <http://www.win2pdf.com>.
The unregistered version of Win2PDF is for evaluation or non-commercial use only.
This page will not be added after purchasing Win2PDF.